

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2024

"tranh chấp về ly hôn, giải quyết
nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng

- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh

Ông Bùi Văn Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 160/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, giải quyết nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Minh N, Sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; Xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, Sinh năm 1998; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang lao động tại Hungary); Xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai anh Hoàng Minh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Huyền T quen biết nhau, phát sinh tình cảm nam nữ từ khi lao động tại Đài Loan, sau đó anh chị về Việt Nam và kết hôn ngày 27/7/2022, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau một thời gian khoảng 10 tháng, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có công việc ổn định, không thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm từ tháng 5/2023, chị T xin ly hôn nhưng anh không đồng ý, sau đó hai vợ chồng sang Hungary lao động, tuy nhiên vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, nguyên nhân do anh không tìm được việc làm, vợ chồng thường cãi vã, vì thấy bất lực anh

trở về Việt Nam, còn chị T tiếp tục sinh sống và làm việc tại Hungary. Nay xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị Huyền T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Anh T1, sinh ngày 16/01/2023 hiện đang sống cùng anh và mẹ anh là bà Thái Thị D. Anh có nguyện vọng giao con cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay chị T đang lao động tại Hungary nên anh có nguyện vọng tiếp tục nhờ mẹ anh là bà Thái Thị D chăm sóc nuôi dưỡng đến khi chị T có điều kiện trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 7.000.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị Nguyễn Thị Huyền T tại Hungary mà chỉ biết chị thường gọi điện về cho người nhà là ông Đặng Đình U (dượng của T), ở thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Anh đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của chị T qua ông Đặng Đình U. Anh N yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành thụ lý giải quyết vụ án mà không thực hiện thủ tục hòa giải tiền tố tụng cũng như hòa giải trong quá trình giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Anh uỷ quyền cho bà Thái Thị D nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và giao lại cho anh.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền T hiện đang làm việc tại Hungary. Tòa án đã tiến hành xác minh tại ông Đặng Đình U, ở thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; gọi điện (ghi âm, ghi hình) qua tài khoản mạng xã hội với chị T do gia đình cung cấp, nội dung thể hiện: Chị và anh Hoàng Minh N kết hôn ngày 27/7/2022, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại huyện Đ, Hà Tĩnh, tình cảm bình thường. Khoảng 10 tháng sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có việc làm ổn định, vợ chồng không thông cảm được cho nhau, thường xuyên tranh cãi, sau đó hai vợ chồng cùng sang H làm ăn nhưng tình cảm không hàn gắn được, anh N về Việt Nam. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh N xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Anh T1, sinh ngày 16/01/2023. Chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Hiện nay chị đang lao động tại H nên có nguyện vọng tiếp tục nhờ mẹ anh N là bà Thái Thị D chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh T1 đến khi chị có điều kiện trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu anh Hoàng Minh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 7.000.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị hiện đang lao động tại nước ngoài không thể về Việt Nam giải quyết vụ án nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị. Các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho dượng chị là ông Đặng Đình U nhận thay.

Ông Đặng Đình Ư đồng ý nhận ủy quyền của chị T về việc giao nhận các tài liệu chứng cứ, cam kết nhận trách nhiệm giao lại cho chị T.

Bà Thái Thị D có đơn xin tình nguyện nuôi cháu và trình bày trong thời gian chị T đang đi làm ăn xa bà tự nguyện nhận trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh T1 đến khi chị T có đủ điều kiện nuôi con.

Ông Nguyễn Đức H1, trú tại: Tổ C, cụm E, X, T, Hà Nội, là cha đẻ của chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và giao cho chị T, chị T có ý kiến đồng ý việc ly hôn và thoả thuận nuôi con như đã trình bày ở trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Minh N và chị Nguyễn Thị Huyền T.

- Về con chung: Giao con chung Hoàng Anh T1, sinh ngày 16/01/2023 cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Hoàng Minh N cấp dưỡng nuôi con một tháng 7.000.000 đồng kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai cản trở. Trong thời gian chị T làm ăn xa bà Thái Thị D tiếp tục chăm sóc cháu Hoàng Anh T1 đến khi chị T có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Hoàng Minh N (Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh) khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền T (Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh), chị T đang sống và làm việc tại Hungary. Theo công văn số 34883/QLXNC- P3 ngày

25/12/2023 của Cục Q thì chị T đã xuất cảnh ngày 22/10/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Huyền T thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ của chị hiện nay ở nước ngoài. Gia đình chị vẫn thường xuyên liên lạc với chị T nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị T. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do điều kiện công việc không về Việt Nam giải quyết vụ án được nên chị T yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết, xét xử và các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho đương chị là ông Đặng Đình Ư nhận. Anh Hoàng Minh N vì lý do đi làm xa và bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa, có đơn xin được xét xử vắng mặt và uỷ quyền việc nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cho mẹ anh là bà Thái Thị D. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh N, chị T theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Minh N và chị Nguyễn Thị Huyền T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hợp pháp. Theo lời khai của các đương sự, vợ chồng có mâu thuẫn sau khi kết hôn khoảng 10 tháng, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, hai bên xác định tình cảm không còn, anh N xin ly hôn, chị T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh N và chị T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, hai bên có yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Minh N và chị Nguyễn Thị Huyền T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Anh T1, sinh ngày 16/01/2023. Anh N và chị T thống nhất giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 7.000.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của hai bên, giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 7.000.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Trong thời gian làm ăn xa, chị T có nguyện vọng nhờ bà Thái Thị D (mẹ anh N) tiếp tục chăm sóc cháu Hoàng Anh T1 đến khi chị về nước, bà Thái Thị D đồng ý tiếp tục chăm sóc cháu Hoàng Anh T1 đến khi chị T có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh Hoàng Minh N tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;
Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Minh N và chị Nguyễn Thị Huyền T.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Anh T1, sinh ngày 16/01/2023 cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Hoàng Minh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai cản trở. Trong thời gian chị T làm ăn xa bà Thái Thị D tiếp tục chăm sóc cháu Hoàng Anh T1 đến khi chị T có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Hoàng Minh N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000725 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Bùi Quang Năng

